

Giá trị việc hành trì giới luật đối với môi sinh

ISSN: 2734-9195 10:45 17/06/2025

Trên phương diện thực tiễn, người hành trì giới luật sẽ phát triển một lối sống tiết chế, tiết kiệm, thân thiện với môi trường, tôn trọng sự sống của muôn loài và biết sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách có trách nhiệm.

Đặt vấn đề: *Con người và thiên nhiên* có mối quan hệ mật thiết, tác động tương hỗ trong suốt quá trình tồn tại và phát triển. Môi trường không chỉ là không gian sống, mà còn là nền tảng cho sự sống của tất cả sinh loài. Nếu không có môi trường, mọi sinh vật, bao gồm cả con người, đều không thể tồn tại. Môi trường cung cấp các nguồn tài nguyên thiết yếu cho cuộc sống như nước, không khí, lương thực...

Tuy nhiên, do con người nhận thức và hành động chưa đúng đắn, môi trường đối mặt với nhiều thách thức nghiêm trọng.

Việc khai thác bừa bãi và xâm hại tài nguyên thiên nhiên, cùng các hành vi làm tổn hại môi trường dưới nhiều hình thức, đã dẫn đến ô nhiễm lan rộng, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ, hạn hán... ngày càng gia tăng.

Môi trường suy thoái trở thành mối đe dọa lớn đối với đời sống và sức khỏe con người nói riêng cũng như cân bằng hệ sinh thái nói chung.

Do đó, bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề cấp bách đối với toàn nhân loại, đòi hỏi những giải pháp kịp thời và hiệu quả.

Luật, tiếng Phạn Vinaya, Trung Hoa 律, phiên âm là Tỳ-nại-da, hay Tỳ-ni. Có nghĩa là điều phục, nhiếp hộ, diệt tội, ly hạnh, thiện trị,... Tức là những luật nghi do đức Phật chế định để ngăn ngừa, hạn chế, xa lìa, tận diệt những điều sai quấy, mọi lỗi lầm tội ác và để giúp thuần phục, điều phục, nhiếp hộ thân, khẩu, ý, tiêu trừ các tội do 3 nghiệp này tạo ra. Đây cũng chính là những điều giới do đức Phật tùy phạm tùy chế, hay tùy duyên chế luật áp dụng cho hàng tại thế cũng như xuất thế phải tuân theo, lưu giữ và hành trì. Nếu vi phạm luật nghi này, hành giả sẽ bị xử phạt theo luật định. Tất cả nhằm mục đích đem lại an lạc cho bản thân, tăng đoàn và xã hội.

Tóm lại, **giới luật** không chỉ là những răn cấm mà còn là những nguyên tắc sống giúp con người phát triển nhân cách và lòng từ bi. Giới luật tạo ra khuôn khổ đạo đức cho từng hành giả tu tập, giúp họ nhận thức rõ ràng hơn về hành động của mình và tác động của chúng đến bản thân và xã hội.

Trong Phật giáo, hệ thống giới luật được phân thành nhiều cấp bậc dành cho các đối tượng khác nhau, từ người tại gia đến người xuất gia. Chẳng hạn, hàng phật tử tại gia có Ngũ giới (5 giới căn bản dành cho cư sĩ tại gia), Bát quan trai giới (8 giới dành cho cư sĩ giữ trong các ngày tu Bát quan trai), Thập thiện (10 điều thiện). Đối với hàng xuất gia có Tỳ kheo giới và Tỳ kheo ni giới (giới pháp dành cho chư tăng ni) và Bồ tát giới (giới phát nguyện độ sinh theo hạnh Bồ tát, có cho cả cư sĩ lẫn người xuất gia). Mỗi hệ thống giới điều đức Phật chế định đều hàm chứa ý nghĩa sâu sắc và có tác động tích cực đến đời sống đạo đức của cá nhân cũng như sự an lạc của cộng đồng.

Vấn đề môi sinh (môi trường sống) dưới góc nhìn Phật giáo



Hình minh họa (ảnh: Internet)

Trong nhận thức luận Phật giáo, thế giới tự nhiên không phải là thực thể khách quan nằm ngoài con người, mà là phần không thể tách rời của tổng thể sự sống. Môi trường bao gồm đất, nước, không khí, cây cối và muôn loài sinh vật, không chỉ đơn thuần là điều kiện vật chất giúp con người tồn tại, mà còn là đối tượng để mỗi cá nhân thực hành lòng từ bi và tu tập sự tỉnh thức. Toàn bộ vũ trụ trong Phật giáo vận hành theo nguyên lý Duyên khởi (Paṭiccasamuppāda), tức là không có sự vật hiện tượng nào hiện hữu độc lập, tự thân, mà luôn nương vào các điều kiện tương hỗ để sinh khởi và tồn tại.

Vì vậy, hành vi của một cá nhân không chỉ tác động đến bản thân họ, mà còn lan tỏa ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống chung quanh. Quan niệm này cũng đồng nghĩa với việc môi trường không chỉ là bối cảnh thụ động, mà là đối tác tương tác, nơi ghi nhận và phản ánh mọi nghiệp lực (karma) do con người tạo ra. Khi con người sống hài hòa, không lạm dụng và biết giữ gìn môi sinh, họ đang gieo nhân lành, gặt quả tốt. Ngược lại, khi môi trường bị tổn hại, do ô nhiễm, khai thác quá mức hay tàn phá sinh học, thì hậu quả sẽ trở lại chính con người qua những biểu hiện như dịch bệnh, khí hậu cực đoan, thiên tai, mất an ninh lương thực...

Luật nhân quả, một nguyên lý cốt lõi trong tư tưởng Phật học, chính là khuôn khổ để lý giải mối quan hệ nhân - duyên - quả giữa hành vi và hậu quả môi sinh. Những hành vi dù nhỏ bé, như vứt rác, lãng phí tài nguyên, gây hại đến sinh vật, đều để lại tác động nhất định lên môi trường sống và tương lai của chính người thực hiện. Từ đây, đạo Phật nhấn mạnh trách nhiệm đạo đức của

từng cá nhân trong việc lựa chọn hành vi sống phù hợp với lý tưởng từ bi, không gây tổn hại đến thế giới chung quanh.

Khác với quan điểm nhị nguyên của một số triết thuyết phương Tây vốn xem con người là trung tâm và môi trường là đối tượng bị chi phối, Phật giáo thiết lập một thế giới quan nhất nguyên, nơi con người là một phần của vạn hữu, là mắt xích trong mạng lưới sống đan xen phức tạp. Từ tinh thần ấy, sự tôn trọng thiên nhiên không phải chỉ là nghĩa vụ đạo đức bên ngoài, mà là biểu hiện của trí tuệ quán chiếu và lòng từ bi chân thật trong từng hành vi. Mỗi người, trong cái nhìn Phật giáo, là một “người bảo hộ môi sinh” thông qua việc thanh lọc ba nghiệp: thân, khẩu và ý.

Chính vì thế, giới luật Phật giáo, vốn được thiết lập để giúp hành giả điều phục bản thân, đồng thời cũng là khung đạo đức giúp định hướng các hành vi thân thiện với môi trường. Giới không sát sinh chẳng những hạn chế việc giết hại động vật mà còn khơi dậy lòng từ đối với mọi sự sống. Giới không trộm cắp không chỉ bảo vệ tài sản cá nhân, mà còn thúc đẩy ý thức sử dụng tiết kiệm và công bằng tài nguyên thiên nhiên. Giới không uống rượu giúp người tu duy trì sự tỉnh thức, không hành động bốc đồng gây hại đến môi trường. Giới không vọng ngữ, nghĩa là sống trung thực, tạo điều kiện cho sự minh bạch trong hành vi xã hội, trong đó có cả sự minh bạch về trách nhiệm môi sinh.

Ngoài các giới căn bản dành cho cư sĩ, trong giới luật dành cho hàng xuất gia, đức Phật còn quy định những điều liên quan trực tiếp đến việc bảo vệ thiên nhiên và vệ sinh môi trường. Chẳng hạn, giới luật cấm khạc nhổ, đại tiểu tiện trong nguồn nước; cấm chặt cây, phá rừng không cần thiết; cấm đốt lửa bừa bãi trong rừng, tất cả đều thể hiện sự nhạy cảm sinh thái của Phật giáo từ những thế kỷ đầu tiên. Các điều luật này, mặc dù mang tính tôn giáo, nhưng hàm chứa những giá trị có thể tiếp cận bằng tư duy sinh thái học hiện đại.

Tinh thần “bất hại” (ahimsā) trong đạo Phật, hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ là tránh gây đau khổ cho con người hay động vật, mà còn không làm tổn hại đến cảnh quan thiên nhiên, đất đai, sông ngòi, rừng núi. Đó là lối sống hài hòa, tiết độ, không lạm dụng, không phung phí. Người hành trì giới luật, với tâm niệm “biết đủ là giàu” (tri túc) sẽ không chạy theo ham muốn vô hạn về vật chất, từ đó không gây áp lực khai thác quá mức tài nguyên tự nhiên.

Về phương diện pháp lý, đạo đức, giới luật Phật giáo không chỉ nhằm giới hạn hành vi tiêu cực mà còn hướng dẫn thực hành các giá trị tích cực: từ bi, vị tha, tự giác, tiết độ, tri ân và tỉnh thức. Đây chính là những phẩm chất cần thiết để hình thành một lối sống sinh thái bền vững. Trong bối cảnh hiện nay, khi các phương pháp công nghệ hiện đại còn chưa thể giải quyết triệt để khủng hoảng

môi trường, thì giải pháp đạo đức, đặc biệt từ nền minh triết Phật giáo, chính là chiều sâu nền tảng giúp điều chỉnh hành vi con người một cách lâu dài.

Tóm lại, Phật giáo không đặt vấn đề môi trường như một ngành riêng biệt, mà xem đó là kết quả tự nhiên của đạo hạnh. Hành trì giới luật không phải là biểu hiện của sự ép buộc luân lý, mà là sự lựa chọn tỉnh thức dựa trên tuệ giác về sự tương tức giữa mình và muôn loài.

Từ góc nhìn đó, bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm xã hội mà còn là phương tiện tu tập, là con đường để xây dựng một đời sống tỉnh thức, an lạc và bền vững cho bản thân cũng như cho toàn thể nhân loại.

Hành trì Giới luật Phật giáo trong mối liên hệ với bảo vệ môi trường



Hình minh họa (ảnh: Internet)

Trong Phật giáo, giới luật không chỉ đóng vai trò là nền tảng đạo đức để hành giả tu tập hướng đến giải thoát cá nhân, mà còn là phương tiện cụ thể để hình thành một lối sống tỉnh thức, bền vững và hài hòa với thế giới tự nhiên. Khi xem xét mối quan hệ giữa việc hành trì giới luật và bảo vệ môi trường, có thể nhận thấy rằng mỗi giới điều, từ những nguyên tắc căn bản như không sát sinh cho đến những điều giới chi tiết về hành vi ứng xử với cây cối, nguồn nước, đều hàm chứa tinh thần sinh thái học rất sâu sắc.

Trước hết, giới không sát sinh (Pāṇātipātā veramaṇī), giới đầu tiên trong Ngũ giới, được đức Phật đặt lên hàng đầu không phải ngẫu nhiên. Đây là giới thể hiện rõ ràng nhất tinh thần từ bi và lòng tôn trọng sự sống của mọi loài. Trong một thế giới mà sự sống đang bị đe dọa bởi khai thác quá mức, tiêu thụ động vật hoang dã, và suy giảm đa dạng sinh học, thì giới không sát sinh không chỉ là lời khuyên cáo đạo đức, mà còn là một nguyên tắc sinh thái căn bản.

Hành trì giới này đồng nghĩa với việc giảm thiểu tối đa các hành động có thể gây tổn hại đến sự sống, từ việc giết hại sinh vật, tàn phá môi trường sống của chúng cho đến tiêu dùng những sản phẩm từ nguồn gốc bạo lực như thịt động vật, sản phẩm rừng trái phép... Phật tử thực hành giới này thường hướng đến việc ăn chay, từ bỏ thói quen sát hại hoặc gián tiếp hỗ trợ việc giết hại qua việc tiêu thụ thịt cá. Điều này, xét từ góc độ môi trường, giúp làm giảm áp lực lên ngành công nghiệp chăn nuôi, một trong những nguyên nhân lớn gây phát thải khí nhà kính và tàn phá đất, nước.

Không chỉ dừng ở việc không sát sinh, nhiều kinh điển Đại thừa còn mở rộng ý nghĩa giới này qua các giới nguyện Bồ-tát. Kinh Phạm Võng quy định người Phật tử phát tâm Bồ-tát không được cố ý ăn thịt, vì hành vi đó làm tổn thương tâm từ và gây ảnh hưởng đến sinh linh, đức Phật đã chế định rằng:

“Nhược Phật tử! Cố thực nhục, nhất thiết chúng sanh khiến nhi xả khứ, thị cố nhất thiết Bồ-tát, bất đắc thực nhất thiết chúng sanh nhục. Thực nhục đắc vô lượng tội, nhược cố thực giả phạm khinh cấu tội, nghĩa là: Phật tử nếu cố ý ăn thịt, nhưng thịt nào cũng không được ăn. Ăn thịt thì hỏng mất Phật tánh rất từ bi, mọi loài sinh vật thấy thì bỏ chạy. Vì lý do ấy, tất cả Bồ-tát không được ăn dù bất cứ thứ thịt của loại sinh vật nào, ăn thịt thì tội lỗi vô lượng. Nếu cố ý ăn thịt phạm tội khinh cấu.”^[2]

Như vậy, ăn chay trong Phật giáo không chỉ là từ bi, mà còn là trách nhiệm bảo vệ sự sống dưới mọi hình thức.

Tiếp nữa, giới không trộm cắp (Adinnādāna veramaṇī) thể hiện sự tôn trọng đối với tài sản của người khác và rộng hơn là tôn trọng giới hạn sở hữu hợp pháp. Trong thời đại mà các nguồn tài nguyên thiên nhiên đang bị khai thác cạn kiệt, từ rừng, khoáng sản đến nguồn nước, thì việc thực hành giới này mang hàm nghĩa sâu sắc về sinh thái: không lấy những gì không thuộc về mình, không khai thác quá nhu cầu, không xâm hại lợi ích cộng đồng.

Thực hành giới không trộm cắp không chỉ là không lấy của người khác, mà còn là không sử dụng của chung một cách ích kỷ, như sử dụng nước, điện, gỗ rừng, không khí sạch... vượt quá mức cần thiết, gây hại cho môi trường và cộng đồng.

Giới này do đó còn gắn với triết lý sống tri túc (biết đủ), sống đơn giản, tiết độ, vốn là cốt lõi trong lối sống Phật giáo.

Người hành trì giới không trộm cắp sẽ phát triển một ý thức tiêu dùng có trách nhiệm: mua sắm những gì thực sự cần thiết, ưu tiên sản phẩm thân thiện với môi trường, không cố sùỵ cho việc khai thác phi đạo đức như chặt phá rừng, săn bắt động vật hoang dã, mua sắm xa xỉ gây lãng phí.

Giới không uống rượu (*Surāmeraya majjapamādaṭṭhānā veramaṇī*) được Đức Phật chế định nhằm giúp người tu giữ tâm trí luôn tỉnh thức, không rơi vào trạng thái mê mờ, mất kiểm soát. Tuy thoát nhìn giới này có vẻ ít liên quan đến môi trường, nhưng khi đi sâu vào nội dung, ta sẽ thấy một mối quan hệ gián tiếp nhưng rất thiết thực.

Khi một cá nhân sử dụng các chất kích thích như rượu, ma túy hay chất gây nghiện, họ dễ mất kiểm soát hành vi, từ đó gây ra những tác động tiêu cực lên xã hội và môi trường. Nhiều hành vi phá hoại như đốt rừng, phá hoại tài sản công, giết hại động vật, xả rác bừa bãi... thường bắt nguồn từ trạng thái tâm lý không tỉnh táo. Vì vậy, giới không uống rượu không chỉ là giữ gìn phẩm hạnh cá nhân, mà còn là cách giảm thiểu nguy cơ tổn hại môi trường do hành vi vô minh, bốc đồng gây ra. Người giữ giới này còn tránh xa những loại tiêu dùng thiếu lành mạnh, vốn gây tổn hại đến tài nguyên, sức khỏe và cả môi sinh, như lạm dụng rượu bia, hút thuốc, sử dụng sản phẩm gây ô nhiễm... Họ hướng đến một lối sống lành mạnh, tỉnh thức, bền vững, trong đó môi trường được xem như là phần mở rộng của chính nội tâm an tịnh.

Ngoài các giới phổ thông như Ngũ giới, trong giới luật của người xuất gia, nhất là các điều luật trong Tỳ-ni và Bồ-tát giới, có nhiều quy định chi tiết liên quan trực tiếp đến việc gìn giữ cảnh quan, đất đai, cây cối và nguồn nước. Đây là những điều luật mang tính “bảo vệ môi sinh” rõ rệt, có giá trị đến tận ngày nay.

Chẳng hạn, giới thứ 14 trong 48 giới khinh Bồ-tát đức Phật đã dạy cho hàng đệ tử của ngài luôn luôn quán sát và có tinh thần trách nhiệm bảo vệ môi trường thiên nhiên, ngăn cấm tất cả các hành vi phá huỷ thiên nhiên môi trường xung quanh qua hình thức phóng hoả, thiêu đốt rừng núi, xóm làng, vườn cây,...

“Nhược Phật tử! Dĩ ác tâm, phóng đại hoả, thiêu sơn lâm khoáng dã, tứ nguyệt nãi chí cửu nguyệt phóng hoả. Nhược thiêu tha nhân gia ốc trạch tăng phường điều mộc cập quý thần quan vật. Nhất thiết hữu sanh vật, bất đắc cố thiêu, nhược cố hoả thiêu giả, phạm khinh cấu tội, nghĩa là: Phật tử nếu vì tâm địa tàng ác mà phóng lửa lớn, đốt cháy núi rừng, đồng nội; tháng tư đến tháng chín cũng phóng lửa đến nỗi có thể cháy lan đến cả nhà cửa phòng ốc, thành thị,

thôn ấp, tăng phường, ruộng vườn và cây cối của người, cháy lan đến vật quý thần, vật công hữu. Nhưng hết thấy là vật có chủ, không được cố ý thiêu đốt. Nếu cố ý thiêu đốt thì phạm tội khinh cấu.”.[3]

Tương tự, trong *Bách pháp chúng học* giới dành cho Tỳ-kheo, có quy định không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trên rau cỏ tươi hoặc trong nguồn nước. Những hành vi tưởng chừng như nhỏ nhặt ấy lại thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Phật giáo đến vấn đề vệ sinh công cộng, bảo vệ hệ sinh thái và phòng tránh ô nhiễm nguồn thực phẩm, nước uống. “*Bất đắc sanh thảo thái thượng, đại tiểu tiện, di hoá, trừ bệnh, ưng đương học, nghĩa là: Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trên rau cải và cỏ tươi, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.*” Và “*Bất đắc thủy trung đại tiểu tiện di thoá, trừ bệnh, ưng đương học. - Dịch: Không được đại tiểu tiện, khạc nhổ trong nước, trừ bệnh, thức-xoa-ca-la-ni.*”.[4]

Qua đó, có thể thấy rằng giới luật Phật giáo không dừng ở việc tu thân, mà còn hướng đến một trật tự sinh thái hài hòa, nơi hành vi cá nhân được soi sáng bởi trí tuệ và lòng từ bi với cả những gì vô tri như cây cỏ, sông suối.

Tác động của hành trì Giới luật đối với môi sinh và phát triển bền vững



Hình minh họa (ảnh: Internet)

Trong thời đại hiện nay, khi các hệ sinh thái đang bị tổn thương nghiêm trọng bởi biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường và sự cạn kiệt tài nguyên, các giải pháp kỹ thuật tuy cần thiết nhưng chưa đủ để giải quyết tận gốc các vấn đề. Một trong những giải pháp mang tính nền tảng là thay đổi hành vi cá nhân và nâng cao ý thức cộng đồng, mà trong đó các giá trị đạo đức, đặc biệt là Giới luật Phật giáo, đóng vai trò định hướng vô cùng quan trọng. Việc hành trì Giới luật

không chỉ giúp hành giả hoàn thiện nhân cách tâm linh, mà còn tạo ra những chuyển hóa sâu sắc trong lối sống, góp phần thiết thực vào việc bảo vệ môi sinh và thúc đẩy phát triển bền vững.

Thứ nhất, hình thành lối sống hài hòa, tiết độ và thân thiện với môi trường. Một trong những tác động đầu tiên của việc hành trì giới luật là hình thành một nếp sống giản dị, có tiết chế và biết đủ (tri túc). Trong tinh thần Phật giáo, con người khổ đau không phải vì thiếu thốn, mà vì lòng ham muốn không đáy. Chính sự chạy theo dục vọng đã khiến con người khai thác thiên nhiên vô độ, tiêu dùng không kiểm soát, gây ra ô nhiễm và suy thoái môi trường. Khi hành giả thực tập giới không sát sinh, không trộm cắp, không uống rượu và sống với tâm từ bi, họ dần buông bỏ được sự lệ thuộc vào vật chất và thú vui giác quan. Thay vào đó, họ hướng đến một đời sống đơn giản, cân bằng và giàu tính tỉnh thức.

Điển hình là việc ăn chay, vốn xuất phát từ giới không sát sinh, không chỉ góp phần nuôi dưỡng lòng từ mà còn giúp giảm thiểu tác động đến môi trường. Các nghiên cứu khoa học đã chỉ ra rằng ngành công nghiệp chăn nuôi gia súc là một trong những nguồn phát thải khí nhà kính lớn nhất, tiêu tốn nước sạch và gây ô nhiễm đất đai. Khi một cộng đồng chuyển sang chế độ ăn chay hoặc giảm tiêu thụ thịt, họ đang trực tiếp góp phần giảm áp lực lên hệ sinh thái.

Bên cạnh đó, người giữ giới không trộm cắp sẽ có xu hướng sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, không tiêu xài lãng phí, không chạy theo lối sống vật chất xa hoa. Chính nếp sống này tạo ra một kiểu tiêu dùng bền vững, góp phần giảm thiểu nhu cầu sản xuất và hạn chế việc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Thứ hai, góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên và giữ gìn đa dạng sinh học. Việc hành trì giới luật còn giúp con người phát triển ý thức bảo tồn thiên nhiên và bảo vệ đa dạng sinh học. Khi không sát sinh, người Phật tử không những tránh giết hại mà còn tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ động vật hoang dã, phóng sinh, trồng cây và gìn giữ môi trường sống cho muôn loài. Hành động này không đơn thuần là từ thiện sinh thái, mà là biểu hiện của tuệ giác quán chiếu về sự tương tức giữa mình và các loài khác.

Ngoài ra, giới khinh thứ 14 trong Bồ-tát giới cũng có tác dụng như một quy định pháp lý sinh thái, ngăn ngừa hành vi đốt phá rừng, gây thiệt hại đến cả sinh vật và hệ sinh thái. Việc giáo dục và truyền bá tinh thần của giới này trong cộng đồng có thể đóng vai trò thay thế, hoặc bổ trợ cho các chính sách bảo vệ rừng, trong khi vẫn nâng cao được ý thức tự nguyện của người dân.

Khi hành giả hiểu rằng mỗi hành vi đều tạo nghiệp và có hậu quả, họ sẽ có xu hướng bảo vệ các yếu tố “vô tình” như cây cối, sông suối, đất đai với một thái

độ đầy trân trọng. Sự bảo vệ này không chỉ mang tính đạo đức mà còn là hành động thực tiễn vì sự tồn vong của toàn xã hội.

Thứ ba, giữ gìn vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh. Giới luật Phật giáo không chỉ dừng ở những nguyên tắc đạo đức trừu tượng, mà còn có những quy định rất cụ thể về hành vi sinh hoạt nhằm bảo vệ vệ sinh môi trường. Như đã đề cập, trong giới Tỳ-kheo, các điều khoản về việc không tiểu tiện, khạc nhổ trong nước hay trên rau cỏ phản ánh tinh thần tôn trọng môi sinh và giữ gìn vệ sinh công cộng.

Khi áp dụng vào đời sống hiện đại, các giới này có thể được hiểu rộng hơn thành các hành vi như: không vứt rác bừa bãi, không sử dụng chất thải gây hại, không làm ô nhiễm nguồn nước, không sử dụng thuốc trừ sâu và hóa chất độc hại quá mức. Việc phổ biến và áp dụng tinh thần này trong cộng đồng Phật tử sẽ giúp cải thiện đáng kể chất lượng vệ sinh môi trường sống, giảm nguy cơ bùng phát dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

Thứ tư, nâng cao ý thức cộng đồng và phát huy vai trò giáo dục môi trường. Một điểm nổi bật khác là tác động lan tỏa của giới luật đến cộng đồng xung quanh. Người hành trì giới luật không sống tách biệt với xã hội, mà chính là một tấm gương đạo đức trong cộng đồng. Khi họ sống thanh tịnh, tiết độ, từ bi và tỉnh thức, họ lan tỏa những giá trị này đến người thân, bạn bè và đồng nghiệp. Từ đó hình thành một nhóm xã hội nhỏ với những thói quen tốt về bảo vệ môi trường.

Ngoài ra, trong các đạo tràng Phật tử hay tu viện, việc giảng dạy giới luật và thực tập thiền định luôn gắn liền với đời sống thực hành sinh thái: dọn dẹp, trồng cây, sống xanh, không xả rác, tiết kiệm năng lượng... Đây chính là giáo dục môi trường từ hành vi thực tế, không cần sách vở lý thuyết. Khi mô hình này được nhân rộng, nó có thể ảnh hưởng đến cả cộng đồng rộng lớn và trở thành một nhân tố tích cực cho các phong trào phát triển bền vững.

Cuối cùng, góp phần vào sự phát triển bền vững trên nhiều phương diện. Theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc, phát triển bền vững là “meets the needs of the present without compromising the ability of future generations to meet their own needs.” nghĩa là: “đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng của các thế hệ tương lai”. Phật giáo, với tinh thần từ bi, vị tha và nhân quả, hoàn toàn phù hợp với nguyên lý này. Khi một người hành trì giới luật, họ sẽ không vì lợi ích cá nhân trước mắt mà hy sinh hạnh phúc dài hạn của cộng đồng hoặc của thế hệ sau.

Thay vì khai thác thiên nhiên quá mức, họ sẽ cân nhắc giữa nhu cầu và hậu quả lâu dài. Thay vì dùng hóa chất để làm đẹp tức thời, họ sẽ chọn phương án thân

thiện với môi trường. Thay vì tích trữ tài sản vô độ, họ sẽ chia sẻ và tiêu dùng hợp lý. Tất cả những điều đó góp phần hình thành nếp sống bền vững cả về sinh thái, kinh tế lẫn xã hội.

Tóm lại, việc hành trì giới luật Phật giáo không chỉ là tu tập cá nhân, mà còn là cách sống vì cộng đồng, vì thiên nhiên và vì tương lai. Những tác động tích cực từ hành trì giới luật, như tiết giảm tiêu dùng, giảm rác thải, bảo vệ sinh vật, duy trì vệ sinh môi trường, là những bước đi cụ thể, thiết thực góp phần cứu lấy hành tinh đang lâm nguy. Phật giáo, vì vậy, không chỉ là tôn giáo của tâm linh, mà còn là một hệ sinh thái đạo đức giúp con người và tự nhiên sống cùng nhau trong an lành và bền vững.

Kết luận

Trong bối cảnh thế giới đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng môi trường ngày càng sâu rộng, việc tìm kiếm các giải pháp không chỉ mang tính kỹ thuật mà còn hàm chứa chiều sâu đạo đức trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Bài nghiên cứu này đã làm rõ rằng, Giới luật Phật giáo không chỉ là nền tảng cho sự tu tập tâm linh cá nhân, mà còn là phương tiện hữu hiệu để định hình một lối sống bền vững, hài hòa với môi trường.

Từ cơ sở lý luận của giáo lý duyên khởi, nhân quả và bất hại, có thể thấy rõ rằng môi trường không phải là thực thể độc lập, mà là phần nối dài của chính đời sống con người. Bất kỳ hành động nào gây tổn hại đến tự nhiên cũng là gieo nhân khổ đau cho bản thân và cộng đồng. Chính vì thế, hành trì giới luật, bao gồm các giới như không sát sinh, không trộm cắp, không uống rượu, không vọng ngữ, cùng với các điều giới cụ thể về vệ sinh và ứng xử với thiên nhiên, không chỉ góp phần tạo ra một đời sống thanh tịnh, mà còn trực tiếp và gián tiếp bảo vệ hệ sinh thái, tiết giảm tác nhân gây ô nhiễm, và nâng cao chất lượng môi sinh.

Trên phương diện thực tiễn, người hành trì giới luật sẽ phát triển một lối sống tiết chế, tiết kiệm, thân thiện với môi trường, tôn trọng sự sống của muôn loài và biết sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách có trách nhiệm. Những hành vi đơn giản như ăn chay, không xả rác, sử dụng tiết kiệm nước, nếu được thực hiện trên nền tảng giới hạnh, sẽ tạo ra những thay đổi tích cực bền vững trong cộng đồng và xã hội. Quan trọng hơn, việc tuân giữ giới luật còn lan tỏa một năng lượng đạo đức mạnh mẽ, có khả năng tác động đến người khác, nâng cao ý thức cộng đồng và đóng góp vào các chính sách bảo vệ môi trường bằng sức mạnh mềm, tức sự tự nguyện, không ép buộc, không cưỡng chế.

Trong thời đại mà sự phát triển kinh tế nhanh chóng đang đi kèm với suy thoái đạo đức và khủng hoảng sinh thái, những giá trị truyền thống như Giới luật Phật giáo không hề lỗi thời, mà ngược lại, trở thành cội nguồn định hướng cho một nền văn minh mới, nơi sự sống được tôn trọng, thiên nhiên được bảo vệ, và con người sống trong chánh niệm, từ bi và trí tuệ. Đây chính là mô hình phát triển bền vững mà Liên Hợp Quốc và nhiều quốc gia đang hướng tới, một mô hình không chỉ dựa vào công nghệ, mà còn đặt trọng tâm vào thay đổi nhận thức và hành vi của con người.

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định việc phổ biến và thực hành giới luật không chỉ phục vụ mục tiêu tu tập, mà còn trực tiếp góp phần hình thành một cộng đồng có trách nhiệm với môi sinh, biết sống vì cộng đồng và thế hệ tương lai. Hành tinh chúng ta đang cần một sự tỉnh thức tập thể, không chỉ đến từ khoa học kỹ thuật mà còn từ chiều sâu nội tâm của con người. Phật giáo, với hệ giá trị giới luật bền vững, đầy tính nhân văn và sinh thái, có thể đóng vai trò dẫn đường. Nếu mỗi người phật tử hành trì giới luật với tinh thần từ bi và trách nhiệm sinh thái, thì đó chính là bước đi thiết thực nhất để cứu lấy môi trường sống và gìn giữ sự sống cho muôn loài.

Tác giả: **Thích Tường Tuệ**

Học viên Thạc sĩ Phật học Khoá IV, chuyên ngành Văn học Phật giáo, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế

Tài liệu tham khảo:

- [1] Kim Cương Tử chủ biên (1992), *Từ điển Phật học Hán Việt*, Nxb. Phân viện Nghiên cứu Phật học, Hà Nội.
- [2] Thích Nữ Trí Hải dịch (2001), *Thanh Tịnh Đạo*, tập I, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.
- [3] Thích Đồng Minh (2012), *Luật Tứ Phần*, Nxb. Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh.
- [4] Trí Quang dịch (2010), *Tổng tập Giới pháp xuất gia*, Nxb. Văn Hoá Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.
- [5] Thích Nhật Từ & Thích Đức Thiện (chủ biên) (2014), *Phật giáo góp phần bảo vệ môi trường*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- [6] Thích Chơn Thiện (2016), *Phật học khái luận*, Nxb. Hồng Đức, Hà Nội.

Chú thích:

- [1] Thích Nữ Trí Hải dịch (2001), *Thanh Tịnh Đạo*, tập I, Nxb. Hồng Đức, tr.15.

[2] Tỷ-kheo Trí Quang dịch (2010), *Tổng tập Giới pháp xuất gia*, Nxb. Văn hoá Sài Gòn, tr. 268.

[3] Sđd, tr. 278.

[4] Thích Đồng Minh (2012), *Luật Tứ Phần*, Nxb. Phương Đông, tr. 736.